

Số **28.24** CV/VID-HĐQT

TP.HCM, ngày **28** tháng 08 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông
 - Mã chứng khoán: VID
 - Địa chỉ trụ sở chính: 806 Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh
 - Điện thoại: 028.38428633 Fax: 028.38425880
 - E-mail: info@dautuviendong.vn Website: <https://dautuviendong.vn>
- Nội dung thông tin công bố : Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông xin công bố :
 - ✓ Báo cáo tài chính riêng bán niên 2024 đã được soát xét
 - ✓ Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên 2024 đã được soát xét
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày **28/08/2024** tại đường dẫn : www.dautuviendong.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin giải trình trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng,

Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng bán niên 2024 đã được soát xét
- BCTC hợp nhất bán niên 2024 đã được soát xét



Bùi Quang Khoa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG**



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC
FAC AUDITING CO., LTD
Website: www.kiemtoanfac.vn

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. MỤC LỤC	1
2. THÔNG TIN CHUNG	2
3. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	3
4. BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
5. BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
5.1 Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 9
5.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	10
5.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	11 - 12
5.4 Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	13 - 32

THÔNG TIN CHUNG

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300377536 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2000.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã nhiều lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300377536 đăng ký thay đổi lần thứ 18 vào ngày 05 tháng 8 năm 2022 với số vốn điều lệ là 408.360.690.000 VND.

Hiện nay cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là VID.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 806 Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại : (028) 3842 8633 - 3849 6056

Fax : (028) 3842 5880

Website : <https://dautuviendong.vn>

Email : info@dautuviendong.vn

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ giấy, bia giấy, cho thuê mặt bằng và hoạt động giáo dục.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Bùi Quang Khoa	Chủ tịch
Ông Bùi Quang Minh	Phó Chủ tịch
Ông Trần Hoàng Nghĩa	Thành viên
Ông Phạm Tất Phú	Thành viên
Bà Trần Thị Phương Mai	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Minh Giang	Trưởng ban
Bà Trần Thị Thanh Thủy	Thành viên
Bà Trần Thị Tinh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Bùi Quang Minh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	Kế toán trưởng

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Bùi Quang Khoa - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

PHÊ DUYỆT VÀ CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ông Bùi Quang Khoa - Chủ tịch Hội đồng quản trị đã ủy quyền cho ông Bùi Quang Minh - Tổng Giám đốc phê duyệt và công bố báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được soát xét.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong từng kỳ kế toán. Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với các Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Bùi Quang Minh

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2024

Số: 018/2024/BCTC-FAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông

Chúng tôi đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 8 năm 2024, từ trang 6 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty đã được doanh nghiệp kiểm toán khác soát xét và kiểm toán với kết luận và ý kiến chấp nhận toàn phần về các báo cáo tài chính đó vào ngày 22 tháng 8 năm 2023 và ngày 26 tháng 3 năm 2024.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC



Nguyễn Thịnh

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0473-2023-099-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2024

Mẫu B 01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		26.560.717.549	8.944.228.591
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.341.951.997	1.829.663.592
1. Tiền	111		1.341.951.997	1.829.663.592
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.299.999.109	2.556.735.493
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	38.921.464.426	37.268.534.973
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	5.307.739.675	1.314.699.061
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	13.366.480.781	1.259.287.232
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(37.295.685.773)	(37.285.785.773)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.918.766.443	4.557.829.506
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9.1	134.009.620	21.697.863
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.722.252.414	4.536.131.643
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	62.504.409	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Mẫu B 01a-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		431.945.830.896	440.157.067.942
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		55.055.000.000	60.735.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	10	55.055.000.000	60.735.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		33.129.047.806	36.534.179.927
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	33.129.047.806	36.534.179.927
<i>Nguyên giá</i>	222		96.248.921.989	96.420.721.989
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(63.119.874.183)	(59.886.542.062)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		452.034.723	452.034.723
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(452.034.723)	(452.034.723)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		743.597.084	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	743.597.084	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		342.360.687.140	342.360.687.140
1. Đầu tư vào công ty con	251	14	184.887.018.700	184.887.018.700
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	15	132.568.228.440	132.568.228.440
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	16	25.658.940.000	25.658.940.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	16	(753.500.000)	(753.500.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		657.498.866	527.200.875
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9.2	657.498.866	527.200.875
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		458.506.548.445	449.101.296.533

				Mẫu B 01a-DN	
CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
C - NỢ PHẢI TRẢ		300		5.607.483.007	4.922.225.231
I. Nợ ngắn hạn		310		5.607.483.007	4.922.225.231
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	1.713.223.448	199.963.169
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	55.575.889	1.522.217.958
4.	Phải trả người lao động	314		553.990.618	-
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	19	656.027.310	551.378.362
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	2.628.665.742	2.648.665.742
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn		330		-	-
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

		Mẫu B 01a-DN		
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		452.899.065.438	444.179.071.302
I. Vốn chủ sở hữu	410		452.899.065.438	444.179.071.302
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	408.360.690.000	408.360.690.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		408.360.690.000	408.360.690.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	3.254.265.000	3.254.265.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	21	3.073.451.644	3.073.451.644
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	8.425.799.489	8.425.799.489
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	29.784.859.305	21.064.865.169
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		21.064.865.169	8.641.547.860
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		8.719.994.136	12.423.317.309
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		458.506.548.445	449.101.296.533

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2024



Nguyễn Thị Thùy Tiên
Kế toán trưởng
Người lập biểu



Bùi Quang Minh
Tổng Giám đốc

Mẫu B 02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	3.376.642.896	29.213.237.884
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.376.642.896	29.213.237.884
4. Giá vốn hàng bán	11	24	-	25.048.175.782
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.376.642.896	4.165.062.102
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	19.613.142.419	9.917.946.325
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	15.795.735.492	13.478.139.557
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.194.049.823	604.868.870
11. Thu nhập khác	31	27	1.527.029.455	952.002
12. Chi phí khác	32		1.085.142	9.512
13. Lợi nhuận khác	40		1.525.944.313	942.490
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.719.994.136	605.811.360
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.719.994.136	605.811.360

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2024

Nguyễn Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng
Người lập biểu



Bùi Quang Minh
Tổng Giám đốc

Mẫu B 03a-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8.719.994.136	605.811.360
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	11	3.441.023.424	3.429.854.815
- Các khoản dự phòng	03		9.900.000	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(19.626.028.394)	(9.916.646.876)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(7.455.110.834)	(5.880.980.701)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.557.860.075)	9.604.168.582
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		705.257.776	2.320.529.355
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(242.609.748)	(1.660.984.709)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	20	(20.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(12.570.322.881)	4.382.732.527
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.076.583.340)	(680.196.097)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		20.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(31.200.000.000)	(5.400.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		36.880.000.000	45.170.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(59.963.362.200)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.459.194.626	9.362.562.164
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		12.082.611.286	(11.510.996.133)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Mẫu B 03a-DN	
			Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(487.711.595)	(7.128.263.606)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	1.829.663.592	8.149.467.996
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	1.341.951.997	1.021.204.390

Nguyễn Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng
Người lập biểu



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2024

Bùi Quang Minh
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1 Thông tin về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300377536 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2000.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã nhiều lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300377536 đăng ký thay đổi lần thứ 18 vào ngày 05 tháng 8 năm 2022 với số vốn điều lệ là 408.360.690.000 VND.

Hiện nay cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là VID.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 806 Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ giấy, bìa giấy, cho thuê mặt bằng và hoạt động giáo dục.

1.2 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là không quá 12 tháng.

1.3 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

1.4 Nhân viên

Số lượng cán bộ và nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2024 là 25 người (tại ngày 31/12/2023 là 26 người).

1.5 Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30/06/2024, Công ty có 01 công ty con trực tiếp, 05 công ty liên kết và 01 đơn vị trực thuộc. Chi tiết như sau:

1.5.a Công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	Lô A2-8, đường N5, KCN Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất các sản phẩm từ giấy và bìa giấy	230.400.000.000	51,03%	51,03%

1.5.b Công ty liên kết

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Ân Tượng Việt	Lầu 2, số 84, KP 4, đường 30/4, P. Quyết Thắng, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Hoạt động du lịch và văn hóa	100.000.000.000	30,00%	45,00%
Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	102A Phó Cơ Điều, Phường 4, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh các sản phẩm từ giấy, bìa giấy, cho thuê mặt bằng và hoạt động giáo dục.	173.109.780.000	33,27%	40,68%
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	Số 29 Phan Đình Phùng, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	Cho thuê văn phòng, đại lý mua bán vật tư văn hóa thông tin, văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh...	45.000.000.000	32,98%	41,48%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt	252 Lạc Long Quân, Phường 10, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh	Giáo dục mầm non, trung học cơ sở và trung học phổ thông; Đào tạo ngoại ngữ và tin học	91.260.000.000	28,33%	38,70%
Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	Khu 1B, Thị trấn Lộc Thắng, Huyện Bảo Lâm, Tỉnh Lâm Đồng	Trồng, kinh doanh, chế biến nông sản. Kinh doanh vật tư nông nghiệp...	19.505.110.000	27,04%	27,04%

1.5.c Đơn vị trực thuộc

Chi nhánh Bình Dương - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông. Địa chỉ tại số 15, đường N3, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Khu 1, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán cũng như lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là Đồng Việt Nam ("VND").

2. CƠ SỞ LẬP VÀ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

2.1 Cơ sở lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ngoài ra, Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024 của Công ty và công ty con (được gọi chung là "Nhóm Công ty") để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

2.3 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC, hệ thống các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.4 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện các Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của các công ty này.

Công ty liên kết là các công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là báo cáo tài chính hợp nhất. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm các chi phí trực tiếp để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

3.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.6 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

3.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá; còn các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
- Thiết bị, đồ dùng quản lý	03 - 07 năm

3.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản; còn các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của phần mềm ứng dụng là 03 năm.

3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

3.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

3.11 **Vốn chủ sở hữu**

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần là số chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu, trừ đi chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu.
- Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.
- Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.
- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.
- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có quyết định chi trả.

3.12 **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu từ bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và quyền sở hữu của hàng hóa được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.
- Doanh thu từ cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.
- Doanh thu từ cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.13 **Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho, dự phòng giảm giá và tổn thất hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

3.14 **Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận khi phát sinh.

3.15 **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
Tiền mặt tại quỹ	397.822.886	244.835.829
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	944.129.111	1.584.827.763
Cộng	<u>1.341.951.997</u>	<u>1.829.663.592</u>

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
Bên liên quan	29.119.970.801	27.459.970.801
- Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	27.459.970.801	27.459.970.801
- Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	1.660.000.000	-
Khách hàng khác	9.801.493.625	9.808.564.172
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Sao Mai Vi Na	9.699.145.003	9.699.145.003
- Các khách hàng khác	102.348.622	109.419.169
Cộng	<u>38.921.464.426</u>	<u>37.268.534.973</u>

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2024	01/01/2024
Bên liên quan	-	-
Nhà cung cấp khác	5.307.739.675	1.314.699.061
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thiết bị PCCC Thanh Niên	1.062.600.000	1.062.600.000
- Công ty TNHH Một thành viên SX - CK - XD Nhóm kính sắt inox Đức Trí	2.298.231.851	-
- Công ty TNHH Xanh Zone	1.121.992.047	-
- Các nhà cung cấp khác	824.915.777	252.099.061
Cộng	5.307.739.675	1.314.699.061

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2024	01/01/2024
Bên liên quan	13.016.979.178	336.943.562
- Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực (lãi cho vay và cổ tức)	12.274.909.178	336.943.562
- Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô (cổ tức)	742.070.000	-
Các bên khác	349.501.603	922.343.670
- Công ty Cổ phần Tac Paritas (lãi cho vay)	-	526.093.151
- Tạm ứng của người lao động	291.971.603	333.769.853
- Ký quỹ, ký cược	45.500.000	59.000.000
- Các khoản phải thu khác	12.030.000	3.480.666
Cộng	13.366.480.781	1.259.287.232

8. NỢ XẤU VÀ DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

Nợ xấu của Công ty bao gồm các khoản phải thu thương mại của khách hàng và các khoản trả trước cho người bán đã quá hạn thanh toán. Các khoản nợ này đã được trích lập dự phòng.

	30/06/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
	Đơn vị tính: 1.000 VND			Đơn vị tính: 1.000 VND		
Phải thu khách hàng	37.159.116	37.159.116	-	37.159.116	37.149.216	9.900
Công ty CP Thương mại Toàn Lực (Bên liên quan)	27.459.971	27.459.971	-	27.459.971	27.450.071	9.900
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ XNK Sao Mai Vi Na	9.699.145	9.699.145	-	9.699.145	9.699.145	-
Trả trước cho người bán	136.570	136.570	-	136.570	136.570	-
Cộng	37.295.686	37.295.686	-	37.295.686	37.285.786	9.900

Mẫu B 09a-DN

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2024	01/01/2024
9.1 Chi phí trả trước ngắn hạn	134.009.620	21.697.863
Chi phí công cụ, dụng cụ	83.090.227	-
Chi phí khác	50.919.393	21.697.863
9.2 Chi phí trả trước dài hạn	657.498.866	527.200.875
Chi phí công cụ, dụng cụ	645.650.043	508.645.707
Chi phí khác	11.848.823	18.555.168
Tổng cộng	791.508.486	548.898.738

10. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

	30/06/2024	01/01/2024
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực (a)	55.055.000.000	31.135.000.000
Công ty Cổ phần Tac Paritas (b)	-	29.600.000.000
Cộng	55.055.000.000	60.735.000.000

(a) Cho Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực vay theo Hợp đồng 01/HĐVV/VĐ-GTL ngày 01/02/2017 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng vay vốn, với tổng mức vay là 60 tỷ VND. Thời hạn cho vay từ ngày 01/02/2017 đến ngày 31/12/2025, lãi suất cho vay là 7%/năm. Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo.

(b) Cho Công ty Cổ phần Tac Paritas vay theo Hợp đồng 01/HĐVV/VĐ-PA ngày 01/02/2017 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng vay vốn. Lãi suất cho vay là 7%/năm. Khoản cho vay này đã được tắt toán trong kỳ.

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, đồ dùng quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Tại 01/01/2024	84.029.274.548	6.235.490.608	3.691.788.326	2.464.168.507	96.420.721.989
Đầu tư hoàn thành	-	-	-	43.000.000	43.000.000
Thanh lý	-	-	(214.800.000)	-	(214.800.000)
Tại 30/06/2024	84.029.274.548	6.235.490.608	3.476.988.326	2.507.168.507	96.248.921.989
Hao mòn lũy kế					
Tại 01/01/2024	48.201.558.049	6.001.840.170	3.218.975.336	2.464.168.507	59.886.542.062
Trích khấu hao	3.331.891.517	52.293.006	52.061.125	4.777.776	3.441.023.424
Thanh lý	-	-	(207.691.303)	-	(207.691.303)
Tại 30/06/2024	51.533.449.566	6.054.133.176	3.063.345.158	2.468.946.283	63.119.874.183
Giá trị còn lại					
Tại 01/01/2024	35.827.716.499	233.650.438	472.812.990	-	36.534.179.927
Tại 30/06/2024	32.495.824.982	181.357.432	413.643.168	38.222.224	33.129.047.806

Tại 30/06/2024, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 29.375.554.752 VND.

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tại 30/06/2024, nguyên giá của tài sản cố định vô hình là phần mềm ứng dụng đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 452.034.723 VND.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2024	01/01/2024
Công trình Công viên Chủ đề tại địa chỉ 806 Âu Cơ, phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	743.597.084	-
Cộng	743.597.084	-

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	184.887.018.700	-	184.887.018.700	-
Cộng	184.887.018.700	-	184.887.018.700	-

Thông tin chủ yếu về công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 1.5.a.

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	33.745.517.000	-	33.745.517.000	-
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	14.841.400.000	-	14.841.400.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt	49.232.000.000	-	49.232.000.000	-
Công ty Cổ phần Chè Minh Rõng	4.749.311.440	-	4.749.311.440	-
Cộng	132.568.228.440	-	132.568.228.440	-

Thông tin chủ yếu về công ty liên doanh, liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 1.5.b.

16. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	30/06/2024			01/01/2024		
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ (a) Công ty Cổ phần Nhà hàng Tâm An (b)	6,71%	24.905.440.000	-	6,71%	24.905.440.000	-
Công ty Cổ phần Ứng dụng Khoa học Tâm lý Hồn Việt (b)	13,87%	416.000.000	416.000.000	13,87%	416.000.000	416.000.000
Cộng		25.658.940.000	753.500.000		25.658.940.000	753.500.000

(a) Tỷ lệ quyền biểu quyết tại công ty này là 13,32% (bao gồm tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty con).

(b) Tỷ lệ quyền biểu quyết tại hai công ty này bằng với tỷ lệ sở hữu.

17. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
Bên liên quan	-	-
Nhà cung cấp khác	1.713.223.448	199.963.169
- Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Thương mại Khánh Hội	1.674.229.623	-
- Công ty TNHH MTV Sản xuất - Cơ khí - Xây dựng nhôm kính sắt inox Đức Trí	-	143.183.040
- Các nhà cung cấp khác	38.993.825	56.780.129
Cộng	<u>1.713.223.448</u>	<u>199.963.169</u>

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước của Công ty trong kỳ như sau:

	<u>01/01/2024</u>		<u>Phát sinh trong kỳ</u>		<u>30/06/2024</u>	
	Phải thu (a)	Phải nộp (b)	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu (a)	Phải nộp (b)
Thuế TNDN	-	1.441.204.444	(1.503.708.853)	-	62.504.409	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	81.013.514	166.143.265	191.580.890	-	55.575.889
Tiền thuế đất, thuế nhà đất	-	-	1.782.451.127	1.782.451.127	-	-
Các khoản khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	-	<u>1.522.217.958</u>	<u>447.885.539</u>	<u>1.977.032.017</u>	<u>62.504.409</u>	<u>55.575.889</u>

(a) Thuế nộp thừa (phải thu) được trình bày tại chỉ tiêu "Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước".

(b) Thuế phải nộp được trình bày tại chỉ tiêu "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước".

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT cho các sản phẩm và dịch vụ như sau:

- Nước sinh hoạt 5%
- Các sản phẩm và dịch vụ khác 8% - 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Xem thuyết minh số 3.15 và số 28.

Các loại thuế khác và các khoản phải nộp khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Việc xác định nghĩa vụ thuế các loại phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền.

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
Kinh phí công đoàn	178.018.843	210.971.509
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp	127.039.421	1.164.030
Nhận ký quỹ, ký cược	186.300.000	186.300.000
Các khoản khác	164.669.046	152.942.823
Cộng	<u>656.027.310</u>	<u>551.378.362</u>

Mẫu B 09a-DN

20. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023
Tại ngày 01/01	2.648.665.742	2.552.885.036
Trích lập từ lợi nhuận sau thuế	-	198.190.706
Chi khen thưởng, phúc lợi	(20.000.000)	
Tại ngày 30/06	2.628.665.742	2.751.075.742

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Tại 01/01/2023	408.360.690.000	3.254.265.000	3.073.451.644	8.425.799.489	29.673.773.066	452.787.979.199
Lợi nhuận sau thuế năm 2023	-	-	-	-	12.007.317.309	12.007.317.309
Chia cổ tức	-	-	-	-	(20.418.034.500)	(20.418.034.500)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(198.190.706)	(198.190.706)
Tại 31/12/2023	408.360.690.000	3.254.265.000	3.073.451.644	8.425.799.489	21.064.865.169	444.179.071.302
Tại 01/01/2024	408.360.690.000	3.254.265.000	3.073.451.644	8.425.799.489	21.064.865.169	444.179.071.302
Lợi nhuận sau thuế kỳ này	-	-	-	-	8.719.994.136	8.719.994.136
Tại 30/06/2024	408.360.690.000	3.254.265.000	3.073.451.644	8.425.799.489	29.784.859.305	452.899.065.438

21.2 Cổ phiếu

	30/06/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.836.069	40.836.069
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.836.069	40.836.069
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.836.069	40.836.069

Toàn bộ cổ phiếu của Công ty đều là cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND.

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngoại tệ các loại	30/06/2024	01/01/2024
Đô la Mỹ (USD)	841,00	844,20
Euro (EUR)	20,00	20,00

Mẫu B 09a-DN

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

23.1 Tổng doanh thu

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023
Tổng doanh thu	3.376.642.896	29.213.237.884
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần	3.376.642.896	29.213.237.884
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần bán hàng hóa	-	25.624.662.641
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	3.376.642.896	3.588.575.243

23.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	180.000.000	183.000.000
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	2.658.632.428	2.623.776.211
Cộng	2.838.632.428	2.806.776.211

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023
Giá vốn hàng hóa	-	25.048.175.782
Cộng	-	25.048.175.782

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023
Lãi tiền gửi và lãi cho vay	2.026.908.091	3.400.427.408
Cổ tức và lợi nhuận được chia	17.586.229.000	6.517.514.000
Doanh thu tài chính khác	5.328	4.917
Cộng	19.613.142.419	9.917.946.325

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023
Chi phí nhân viên quản lý	4.517.534.606	3.648.672.469
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	174.129.096	78.143.266
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.441.023.424	3.429.854.815
Thuế, phí và lệ phí	1.785.471.127	1.803.002.901
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.447.256.807	3.522.196.979
Các chi phí khác	1.430.320.432	996.269.127
Cộng	15.795.735.492	13.478.139.557

Mẫu B 09a-DN

27. THU NHẬP KHÁC

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023
Xử lý công nợ thuế tại Chi nhánh Bình Dương	1.503.708.853	-
Lãi thanh lý tài sản cố định	12.891.303	-
Các khoản thu nhập khác	10.429.299	952.002
Cộng	1.527.029.455	952.002

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023
Lợi nhuận kế toán trước thuế	8.719.994.136	605.811.360
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	337.077.941	396.009.512
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	(17.586.229.000)	(6.517.514.000)
Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(8.529.156.923)	(5.515.693.128)
Lỗi chuyển sang kỳ sau không ghi nhận thuế hoãn lại	8.529.156.923	5.515.693.128
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	174.129.096	78.143.266
Chi phí nhân công	4.517.534.606	3.648.672.469
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.441.023.424	3.429.854.815
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.447.256.807	3.522.196.979
Chi phí khác bằng tiền	3.215.791.559	2.799.272.028
Cộng	15.795.735.492	13.478.139.557

30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan chủ yếu của Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	Công ty con
Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	Cổ đông lớn và có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	Bên nhận vốn đầu tư và có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Nhà hàng Tâm An	Bên nhận vốn đầu tư và có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Ứng dụng Khoa học Tâm lý Hồn Việt	Bên nhận vốn đầu tư và có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên quản lý chủ chốt
Thành viên gia đình của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên gia đình của Thành viên quản lý chủ chốt

30.1 Thu nhập của Thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023
Thù lao của Hội đồng quản trị	330.000.000	330.000.000
Ông Bùi Quang Khoa - Chủ tịch	180.000.000	180.000.000
Ông Bùi Quang Minh - Phó Chủ tịch	60.000.000	60.000.000
Ông Trần Hoàng Nghĩa - Thành viên	30.000.000	30.000.000
Bà Trần Thị Phương Mai - Thành viên	30.000.000	30.000.000
Ông Phạm Tất Phú - Thành viên	30.000.000	30.000.000
Thù lao của Ban Kiểm soát	66.000.000	66.000.000
Bà Lê Thị Minh Giang - Trưởng ban	30.000.000	30.000.000
Bà Trần Thị Thanh Thủy - Thành viên	18.000.000	18.000.000
Bà Trần Thị Tình - Thành viên	18.000.000	18.000.000
Tiền lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	621.378.800	510.295.680
Ông Bùi Quang Minh - Tổng Giám đốc	350.000.000	300.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu - Phó Tổng Giám đốc	201.378.800	150.295.680
Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên - Kế toán trưởng	70.000.000	60.000.000
Tổng cộng	1.017.378.800	906.295.680

30.2 Giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Bên liên quan/Nội dung giao dịch	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực		
Bán hàng hóa và dịch vụ	180.000.000	183.000.000
Cho vay	31.200.000.000	5.400.000.000
Thu nợ cho vay	7.280.000.000	41.270.000.000
Lãi cho vay	1.672.681.644	1.677.746.575
Thu lãi cho vay	1.034.716.028	2.816.642.822
Cổ tức được chia	11.757.521.000	
Nhận tiền cổ tức được chia	457.521.000	
Góp vốn cổ phần	-	59.963.362.200
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt		
Cổ tức được chia	3.878.550.000	5.171.400.000
Nhận tiền cổ tức được chia	3.878.550.000	3.171.400.000
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô		
Cổ tức được chia	742.070.000	742.070.000
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ		
Cổ tức được chia	1.208.088.000	604.044.000
Nhận tiền cổ tức được chia	1.208.088.000	604.044.000
Bán hàng hóa dịch vụ	2.658.632.428	2.623.776.211
Mua hàng hóa dịch vụ	436.634.437	187.110.005
Ông Bùi Quang Minh - Tổng Giám đốc		
Cho mượn tiền	-	160.550.000
Thu lại tiền cho mượn	-	160.550.000
Mượn tiền	-	2.123.550.000
Trả tiền mượn	-	2.123.550.000

30.3 Công nợ giữa Công ty với các bên liên quan

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ của Công ty với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan / Công nợ	30/06/2024	01/01/2024
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực		
Phải thu lãi cho vay và cổ tức được chia (thuyết minh số 7)	12.274.909.178	336.943.562
Phải thu về cho vay (thuyết minh số 10)	55.055.000.000	31.135.000.000
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô		
Phải thu cổ tức được chia (thuyết minh số 7)	742.070.000	-
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ		
Phải thu từ hợp tác kinh doanh (thuyết minh số 5)	1.660.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực		
Phải thu từ bán hàng hóa và dịch vụ (thuyết minh số 5)	27.459.970.801	27.459.970.801

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Công ty đã điều chỉnh lại số liệu một số chỉ tiêu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 (gọi tắt là "BCTC 31/12/2023"). Ảnh hưởng của việc điều chỉnh lại đến số liệu so sánh trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024 (gọi tắt là "BCTC 30/06/2024") như sau:

	Mã số	Số liệu trên	Số liệu so sánh	Chênh lệch
		BCTC 31/12/2023 (đã công bố)	trên BCTC 30/06/2024 (trình bày lại)	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ				
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(337.500.000)	(753.500.000)	(416.000.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21.480.865.169	21.064.865.169	(416.000.000)
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a	9.057.547.860	8.641.547.860	(416.000.000)

32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công cụ tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, cho vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những công cụ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro về tính thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng những chính sách quản lý cho những rủi ro nêu trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường bao gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ (rủi ro ngoại hối), rủi ro hàng hóa và rủi ro về giá khác. Các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng với lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại để có được mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty ít chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái vì Công ty sử dụng VND là đơn vị tiền tệ chính trong các hoạt động.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động của mình. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về mặt tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính (chủ yếu đối với tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách bán hàng, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa được thu và tìm cách duy trì chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện việc xem xét sự suy giảm chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty duy trì tiền gửi ngân hàng tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức tập trung độ với rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Cho vay

Công ty cho bên liên quan và đối tác vay tiền. Công ty nhận thấy mức tập trung độ rủi ro tín dụng đối khoản cho vay là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền ở mức mà Công ty cho là đủ để đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

	<u>Đến 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
Tại ngày 01/01/2024			
Phải trả người bán	199.963.169	-	199.963.169
Các khoản phải trả khác	551.378.362	-	551.378.362
Cộng	751.341.531	-	751.341.531
	<u>Đến 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
Tại ngày 30/06/2024			
Phải trả người bán	1.713.223.448	-	1.713.223.448
Các khoản phải trả khác	656.027.310	-	656.027.310
Cộng	2.369.250.758	-	2.369.250.758

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là ở mức kiểm soát được. Công ty có đủ khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền được tạo ra từ hoạt động kinh doanh, tiền thu hồi các tài sản tài chính khi đáo hạn và từ các nguồn vốn huy động khác.

33. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ (1.000 VND)				Giá trị hợp lý (1.000 VND)	
	30/06/2024		01/01/2024		30/06/2024	01/01/2024
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn	1.341.952	-	1.829.664	-	1.341.952	1.829.664
Phải thu khách hàng	38.921.464	(37.159.116)	37.268.535	(37.149.216)	1.762.349	119.319
Phải thu khác	13.366.481	-	1.259.287	-	13.366.481	1.259.287
Cho vay	55.055.000	-	60.735.000	-	55.055.000	60.735.000
Cộng	108.684.897	(37.159.116)	101.092.486	(37.149.216)	71.525.781	63.943.270

Nợ phải trả tài chính	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2024	01/01/2024	30/06/2024	01/01/2024
	Phải trả người bán	1.713.223.448	199.963.169	1.713.223.448
Các khoản phải trả khác	656.027.310	551.378.362	656.027.310	551.378.362
Cộng	2.369.250.758	751.341.531	2.369.250.758	751.341.531

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, phải thu khác, các khoản phải trả người bán và các khoản nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý các khoản phải thu khách hàng được Công ty đánh giá dựa trên thông tin về khả năng trả nợ của từng khách hàng. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Các tài sản tài chính khác mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các tài sản tài chính khác được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

34. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 19/07/2024, Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết số 05.24 NQ/VID-HQĐT về việc triển khai chi trả cổ tức bằng tiền mặt - năm tài chính 2023, theo đó cổ tức được chi trả bằng tiền mặt và tỷ lệ chi trả là 5% (01 cổ phiếu được nhận 500 VND), ngày đăng ký cuối cùng là 06/08/2024 và ngày thanh toán là 20/08/2024.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2024 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

35. PHÊ DUYỆT VÀ CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ông Bùi Quang Khoa - Chủ tịch Hội đồng quản trị đã ủy quyền cho ông Bùi Quang Minh - Tổng Giám đốc phê duyệt và công bố báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2024



Nguyễn Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng
Người lập biểu



Bùi Quang Minh
Tổng Giám đốc

